TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 02/10/2017
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh

2. Ông Lê Văn Xiêm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Lăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Chấm – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 141/2017/TLST-HN ngày 04 tháng 5 năm 2017về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 28/8/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2017/QĐST - HNGĐ ngày 14/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phan Thị L, sinh năm 1974 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

2. Bị đơn: Võ Văn C, sinh năm 1973 (vắng mặt không lý do)

Trú tại: ấp O, xã T, huyện M, tỉnh B.

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày: Chị L và anh Võ Văn C đến hôn nhân vào năm 1992 sau đó có ly hôn một lần. Đến năm 2008 chị L, anh C lại về sống chung và có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến cách nay vài năm thì anh C thường xuyên nhậu về đánh đập, chửi mắng chị. Chị L và anh C nhiều lần bàn bạc khắc phục nhưng anh C không sửa đổi. Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Con chung: Anh chị có hai con chung là Võ Kim C, sinh năm 1993 đã trưởng thành và Võ Phan Bảo T, sinh năm 2007 hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị L xin nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: chị L không yêu cầu tòa giải quyết.

Nợ chung:

Nợ Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M 60.000.000 đồng chưa đến hạn trả. Nay chị L đồng ý để chị L trả khi đến hạn.

Nợ Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện M theo khoản vay diện vay học sinh, sinh viên 17.000.000 đồng. Ngoài ra, chị L còn vay để làm ống cống 8.000.000 đồng, vay hộ nghèo 20.000.000 đồng. Nay chị L đồng ý để chị L trả khi đến hạn.

Nợ Võ Kim C 15.000.000 đồng và 01 cây vàng để sửa nhà. Chị C không yêu cầu tòa giải quyết và chị L đồng ý để sau này chị L trả.

Nợ chị Phan Thị Trúc L số tiền 70.000.000 đồng để làm nhà. Nay chị L không yêu cầu tòa gải quyết và chị L đồng ý để sau này chị L trả.

Các phần nợ khác theo anh C trình bày thì chị L không biết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Võ Văn C trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân và về con chung nhưng về mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày thì anh không đồng ý. Mâu thuẫn giữa vợ chồng xuất phát từ kinh tế khó khăn, chị L thường hay nghe điện thoại, anh C ghen tuông nên xảy ra cự cãi. Nay chị L xin ly hôn anh không đồng ý vì còn nợ nhiều người. Tài sản chung của vợ chồng là căn nhà cất trên đất của chị Phan Thị L, nếu phải ly hôn thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung anh thống nhất với lời trình bày của chị L nhưng anh còn khoản nợ Ngân hàng N 30.000.000 đồng do anh nhờ anh của anh đứng ra vay dùm và còn nợ mẹ ruột của anh.

Đại diện Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M trình bày: Vào ngày 21/3/2017 chị Phan Thị L có vay của Ngân hàng 60.000.000 đồng. Thời gian vay là 24 tháng, mục đích vay để chăn nuôi. Nay chị L anh C ly hôn nhưng không chia tài sản và hợp đồng vay chưa đến hạn trả nợ nên Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng vay với chị Loan, không yêu cầu tòa giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện ở vụ án khác. Do không yêu cầu tòa giải quyết nên Ngân hàng từ chối tham gia tố tụng tại tòa.

Đại diện Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện M trình bày: Chị Phan Thị L có vay theo diện vay học sinh sinh viên vào năm 2012, 2013 cho con đi học tổng cộng là 17.000.000 đồng. Ngoài ra, chị L còn vay để làm ống cống 8.000.000 đồng, vay hộ nghèo 20.000.000 đồng. Nay chị L anh C ly hôn nhưng không chia tài sản và hợp đồng vay chưa đến hạn nên Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện M đồng

ý tiếp tục thực hiện hợp đồng vay với chị L, không yêu cầu tòa gải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện ở vụ án khác. Do không yêu cầu tòa giải quyết nên Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện M xin từ chối tham gia tố tụng tại tòa.

Cháu Võ Phan Bảo T trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn trong quá trình thụ lý và giải quyết thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành theo thông báo công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phan Thị L. Chị Lđược ly hôn với anh C, sau khi ly hôn cháu Võ Phan Bảo T, sinh năm 2007 sẽ do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng; Võ Kim C đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét. Tài sản chung các đương sự không yêu cầu tòa giải quyết nên không đề cập. Do Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện M, Võ Kim C, chị Phan Thị Trúc L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "*Xin ly hôn"* theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn anh Võ Văn C có nơi cư trú tại xã T, huyện M nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[2] Nội dung vụ án:

Chị Phan Thị L và anh Võ Văn C kết hôn vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của anh chị

là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị L, chị L cho rằng nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do anh C thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con. Anh Võ Văn C thì cho rằng nguyên nhân mất hạnh phúc là do kinh tế khó khăn, anh C hay ghen nên uống rượu về có chửi và đánh chị L. Anh C không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị L và anh C thì chính quyền địa phương xác nhận nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị L và anh C là do anh C hay ghen nên uống rượu về chửi và đánh đập chị L. Hội đồng xét xử xét thấy anh C không có thiện chí muốn hòa giải để khắc phục nguyên nhân mất hạnh phúc, về đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc. Xét thấy nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị L và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị L là có căn cứ.

[3] Con chung: Chị L có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Võ Phan Bảo T, sinh năm 2007 và yêu cầu này cũng phù hợp nguyện vọng được sống với chị mẹ của cháu T. Vì vậy, nên giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần cho cháu. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Võ Kim C, sinh năm 1993 đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét.

[4] Tài sản chung: Chị Phan Thị L và anh Võ Văn C trình bày không yêu cầu tòa giải quyết nên không đề cập.

[5] Nợ chung: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M; Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện M; Võ Kim C; chị Phan Thị Trúc L đều trình bày không yêu cầu tòa giải quyết, chị L đồng ý, anh C không có ý kiến nên nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện ở vụ án khác.

Anh Võ Văn C trình bày vợ chồng anh có nợ mẹ và anh của anh C, Tòa án đã ra thông báo giao nộp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này nhưng anh C không cung cấp cho tòa án họ tên và địa chỉ chủ nợ nên tòa án không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp được quyền khởi kiện ở vụ án khác.

[6] Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, chị Phan Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Võ Văn C được tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 3, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị L.

Chị Phan Thị L được ly hôn với anh Võ Văn C.

2. Về nuôi con chung: Chị L trực tiếp nuôi cháu Võ Phan Bảo T, sinh năm 2007, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Võ Kim C đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đề cập.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản chung: Chị Phan Thị L và anh Võ Văn C không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét.

4. Nợ chung: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M; Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện M; Võ Kim C; chị Phan Thị Trúc L không yêu cầu tòa giải quyết, chị L đồng ý, anh C không có ý kiến, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện ở vụ án khác.

5. Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, chị Phan Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008432 ngày 03/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày tòa án tống đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thị Hồng Thúy